

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 16 /MHC

V/v: "BCTC năm 2017 đã được kiểm toán
- Hợp nhất"

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà VINATEA, Số 92, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Vinatea, 92 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 35770810

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán - Hợp nhất

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/03/2018 tại đường dẫn www.marinahanoi.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính năm 2017
đã được kiểm toán - Hợp nhất

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
Nguyễn Thị Lan Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Đặng Tiến Thành	Chủ tịch
Ông Đỗ Hồng Thái	Thành viên
Ông Phạm Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Công Tuấn	Thành viên
Ông Dương Phi Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành:

Ông Nguyễn Công Tuấn	Tổng Giám đốc	từ ngày 19/05/2017
	Phó Tổng Giám đốc	đến ngày 18/05/2017
Ông Đặng Tiến Thành	Tổng Giám đốc	đến ngày 18/05/2017

Ban Kiểm soát:

Ông Phan Thế Minh	Trưởng ban Kiểm soát	từ ngày 09/05/2017
Ông Đặng Xuân Quang	Trưởng ban Kiểm soát	đến ngày 16/04/2017
Bà Nguyễn Thúy Nga	Thành viên	
Bà Lê Thị Huyền Trang	Thành viên	

Trưởng phòng kế toán:

Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng kế toán
-----------------------	----------------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/03/2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần MHC tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần MHC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 27/03/2017.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số

0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số

1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		594.074.976.132	439.978.323.464
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.278.714.670	11.499.679.326
Tiền	111		4.732.102.452	3.882.457.991
Các khoản tương đương tiền	112		8.546.612.218	7.617.221.335
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	531.783.018.240	402.434.599.488
Chứng khoán kinh doanh	121		549.866.224.923	434.770.535.927
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(18.830.981.405)	(33.035.936.439)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		747.774.722	700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.655.466.458	22.780.039.398
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.182.480.878	13.117.769.382
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		325.742.546	204.799.909
Các khoản phải thu khác	136	7	39.230.746.461	19.040.973.534
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6,7	(9.083.503.427)	(9.583.503.427)
Hàng tồn kho	140		-	275.000
Hàng tồn kho	141		-	275.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.357.776.764	3.263.730.252
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		267.018.888	280.701.545
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.530.770.635	1.573.923.019
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	559.987.241	1.409.105.688
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.835.317.641	72.792.251.722
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.500.000	10.002.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	2.500.000	10.002.500.000
Tài sản cố định	220		6.558.731.762	5.601.667.922
Tài sản cố định hữu hình	221	8	6.558.731.762	4.855.174.122
- Nguyên giá	222		21.199.759.252	18.481.869.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.641.027.490)	(13.626.695.131)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	746.493.800
- Nguyên giá	228		-	746.493.800
Bất động sản đầu tư	230	10	27.315.285.283	28.868.941.263
- Nguyên giá	231		38.530.325.770	38.530.325.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.215.040.487)	(9.661.384.507)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	13.251.280.596	28.319.142.537
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.251.280.596	4.440.870.137
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	23.878.272.400
Tài sản dài hạn khác	260		707.520.000	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		707.520.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		641.910.293.773	512.770.575.186

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		149.666.073.425	30.769.491.583
Nợ ngắn hạn	310		49.326.081.398	30.514.811.534
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	13.086.366.828	9.522.706.440
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.505.792	47.745.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.133.328.633	878.915.359
Phải trả người lao động	314		2.577.716.843	2.753.717.457
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	8.098.471.328	2.662.299.369
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.272.725	10.909.089
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.505.947.850	2.410.458.622
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	19.373.618.555	11.828.331.202
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.478.852.844	399.728.204
Nợ dài hạn	330		100.339.992.027	254.680.049
Phải trả dài hạn khác	337	14	237.982.027	254.680.049
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	100.102.010.000	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		492.244.220.348	482.001.083.603
Vốn chủ sở hữu	410	16	492.244.220.348	482.001.083.603
Vốn góp của chủ sở hữu	411		327.352.100.000	327.352.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		327.352.100.000	327.352.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.712.225.710	8.712.225.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.566.514.638	117.323.377.893
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		115.073.908.920	57.686.745.786
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.492.605.718	59.636.632.107
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		641.910.293.773	512.770.575.186

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Trưởng phòng kế toán

Người lập biểu



Nguyễn Công Tuấn

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Lan Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	70.403.075.509	71.926.062.890
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.403.075.509	71.926.062.890
Giá vốn hàng bán	11	18	63.734.306.260	62.760.955.468
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.668.769.249	9.165.107.422
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	30.809.644.477	127.675.384.115
Chi phí tài chính	22	20	13.236.573.522	46.116.465.249
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.051.586.434	2.274.581.890
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.189.589.541)	(1.332.963.508)
Chi phí bán hàng	25		-	3.830.909
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	7.775.171.532	8.492.270.819
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.277.079.131	80.894.961.052
Thu nhập khác	31		228.763.462	629.363.458
Chi phí khác	32		33.494.177	48.825.007
Lợi nhuận khác	40		195.269.285	580.538.451
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.472.348.416	81.475.499.503
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.979.742.698	21.838.867.396
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.492.605.718	59.636.632.107
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		12.492.605.718	59.636.632.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	382	1.774

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Trưởng phòng kế toán

Người lập biểu



Nguyễn Công Tuấn

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Lan Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		15.472.348.416	81.475.499.503
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.567.988.339	2.147.652.750
Các khoản dự phòng	03		(14.704.955.034)	31.834.766.506
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		837.506	45.913.390
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(11.333.907.988)	(115.371.245.535)
Chi phí lãi vay	06		7.051.586.434	2.274.581.890
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(946.102.327)	2.407.168.504
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(1.054.949.023)	(4.392.522.936)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		275.000	624.000
Tăng giảm các khoản phải trả	11		3.187.750.195	4.410.217.974
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(693.837.343)	120.477.255
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.397.485.216)	(1.607.194.892)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(372.560.910)	(28.346.671.543)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.220.875.360)	(54.400.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(2.497.784.984)	(27.462.301.638)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.717.889.999)	(1.138.935.489)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		840.250.909	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(426.144.888.333)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	130.001.430.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(661.114.844.456)	(363.017.493.269)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		538.846.236.950	685.319.321.559
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.775.771.682	12.289.784.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(103.370.474.914)	37.309.218.779
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	13.490.390.000
Tiền thu từ đi vay	33		247.567.120.546	104.305.395.033
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(139.919.823.193)	(94.010.163.831)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(28.554.658.950)
Cổ tức đã trả cho các cổ đông thiểu số			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		107.647.297.353	(4.769.037.748)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.779.037.455	5.077.879.393
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.499.679.326	6.421.750.862
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.111)	49.071
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	13.278.714.670	11.499.679.326

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Công Tuấn

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh

Người lập biểu

Lê Thị Lan Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần MHC (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội), tên viết tắt là MHC COMPANY (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715) lần đầu ngày 19/11/1998, thay đổi lần thứ 25 ngày 25/05/2017.

Công ty Cổ phần MHC có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 327.352.100.000 đồng.

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần MHC được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Công Tuấn.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Đại lý hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị.

1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty có các Công ty con như sau:

	Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2017 (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	15.000.000.000	100%	Tầng 6, Tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, TP Hải Phòng.
2	Công ty TNHH Đầu tư Marina	120.000.000.000	100%	Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1.4 CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (*)	51,00 %	Tầng 15 tòa nhà IPC, 1489 Nguyễn Văn Linh, Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	45,05%	Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 01, Đào Duy Anh, TP Hà Nội.

(*): Công ty sở hữu 51% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thay vì “Đầu tư vào công ty con”.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Phương tiện vận tải	05 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao Bất động sản đầu tư tòa nhà cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính:

- Đối với các chứng khoán kinh doanh: Dự phòng được ghi nhận khi giá chứng khoán trên thị trường giảm thấp hơn giá trị ghi sổ của các chứng khoán;
- Đối với khoản đầu tư dài hạn khác: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư. Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

3.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Công ty Cổ phần MHC có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tiền mặt	689.953.198	207.858.842
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.042.149.254	3.674.599.149
- Các khoản tương đương tiền (*)	8.546.612.218	7.617.221.335
	13.278.714.670	11.499.679.326

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatex, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh						
- Tổng giá trị cổ phiếu	19.491.147	549.866.224.923	18.830.981.405	-	434.770.535.927	33.035.936.439
+ Công ty CP cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	1.650.000	344.423.766.590	18.830.981.405	1.650.000	119.327.077.594	33.035.936.439
+ Công ty CP Cao su Sao Vàng	-	15.001.100.000	2.015.600.000	-	15.001.100.000	530.600.000
+ Công ty CP Transimex	2	-	-	194.288	5.109.517.410	1.728.906.210
+ Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	5.000	58.355	-	2	58.355	-
+ Công ty CP DAP-Vinachem	-	350.000.000	-	5.000	350.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia	3.380.810	34.736.864.405	13.133.488.505	6.702.510	68.866.401.829	20.876.430.229
+ Công ty CP Chứng khoán IB	1.098.000	7.686.672.740	-	1.500.000	30.000.000.000	9.900.000.000
+ Công ty CP GTNFoods	1.399.750	22.566.510.545	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Licogi 16	300.000	3.124.680.000	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần nhựa Hà Nội	322.000	31.055.112.900	3.681.892.900	-	-	-
+ Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	11.335.000	229.902.767.645	-	-	-	-
Chứng quyền						
+ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*)	400	20.000.000.000	-	400	20.000.000.000	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*)	-	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-
- Tổng giá trị trái phiếu						
+ Trái phiếu Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng (**)	185	185.442.458.333	-	185	295.443.458.333	66.071.872.878
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	-	185.442.458.333	-	1.100	185.442.458.333	-
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	-	-	-	1.100	110.001.000.000	66.071.872.878
- Các khoản đầu tư khác						
+ Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu	-	747.774.722	-	-	700.000.000	-
	-	747.774.722	-	-	700.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc		Giá trị thuần theo	
	VND	phương pháp vốn chủ sở hữu VND	VND	phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	14.437.000.000	3.251.280.596	28.315.272.400	4.440.870.137
+ Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (***)	4.437.000.000	3.251.280.596	4.437.000.000	4.440.870.137
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	1.734.000.000	1.365.745.888	1.734.000.000	2.153.002.717
Đầu tư vào đơn vị khác	2.703.000.000	1.885.534.708	2.703.000.000	2.287.867.420
+ Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (****)	10.000.000.000	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	-	-	23.878.272.400	-

(*) Chứng quyền do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành. Mỗi chứng quyền được chuyển đổi thành 50.000 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không mua hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(**) Trái phiếu phát hành ngày 29 tháng 6 năm 2016 có kỳ hạn 5 năm với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định dựa trên lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trung bình của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm. Mỗi trái phiếu được đảm bảo bởi 62.500 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng.

(***) Ngày 23 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt kế hoạch thanh lý toàn bộ khoản đầu tư này. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa hoàn thành việc thanh lý khoản đầu tư này.

(****) Xem tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	16.182.480.878	6.428.022.519	13.117.769.382	6.928.022.519
- Công ty TNHH MTV-Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5.016.183.019	5.016.183.019	5.516.183.019	5.516.183.019
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đà	328.000.000	328.000.000	328.000.000	328.000.000
- Công ty TNHH Cảng Hải An	1.675.673.255	-	1.572.110.815	-
- Công ty TNHH Maxspeed Hà Nội	1.568.941.231	-	1.045.601.850	-
- Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải Hàng không con cá heo	968.331.000	-	662.739.000	-
- Phải thu khách hàng khác	6.625.352.373	1.083.839.500	3.993.134.698	1.083.839.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	39.230.746.461	2.655.480.908	19.040.973.534	2.655.480.908
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	1.900.931.375	-	3.769.643.838	-
- Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội phía Nam	1.330.893.473	1.330.893.473	1.330.893.473	1.330.893.473
- Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	18.386.432.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	137.541.667	-
- Lãi trái phiếu, tiền gửi	9.527.275.831	-	9.475.083.333	-
- Phải thu khác	8.065.213.782	1.324.587.435	4.327.811.223	1.324.587.435
Dài hạn	2.500.000	-	10.002.500.000	-
- Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	-	-	10.000.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	2.500.000	-	2.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

(*) Kết quả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được theo dõi bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An. Phần Công ty được nhận theo Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh đầu tư và khai thác đội tàu container này được lập bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và được kiểm toán Báo cáo tài chính, soát xét bởi một công ty kiểm toán khác theo các báo cáo này như sau:

	Năm 2017 (1)	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu	16.682.048.940	29.532.336.538
Giá vốn	14.181.933.118	24.388.650.987
Doanh thu hoạt động tài chính	27.703.540	101.935.892
Chi phí tài chính	181.522.104	515.167.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	96.660.123	106.051.980
Thu nhập khác	129.786.497	118.563.458
Chi phí khác		25.763.273
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh tàu	2.379.423.632	4.717.202.388
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	478.492.257	947.558.550
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh tàu	1.900.931.375	3.769.643.838

(1) Theo kết quả hợp tác kinh doanh từ ngày 01/01/2017 đến trước ngày chuyển sang khoản đầu tư dài hạn.

Ngày 05/07/2017, các bên đã làm thủ tục bàn giao vốn của hoạt động hợp tác kinh doanh đầu tư và khai thác đội tàu container Công ty TNHH Vận tải container Hải An. Theo biên bản bàn giao vốn này các bên chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư BCC do thành lập doanh nghiệp kế thừa - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An. Theo đó, kể từ ngày 05/07/2017, khoản hợp đồng hợp tác đầu tư này chuyển sang khoản đầu tư dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2017	18.395.220.245	86.649.008	18.481.869.253
- Mua trong năm	2.717.889.999	-	2.717.889.999
31/12/2017	<u>21.113.110.244</u>	<u>86.649.008</u>	<u>21.199.759.252</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2017	13.566.937.795	59.757.336	13.626.695.131
- Khấu hao trong năm	1.002.807.355	11.525.004	1.014.332.359
31/12/2017	<u>14.569.745.150</u>	<u>71.282.340</u>	<u>14.641.027.490</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2017	<u>4.828.282.450</u>	<u>26.891.672</u>	<u>4.855.174.122</u>
31/12/2017	<u>6.543.365.094</u>	<u>15.366.668</u>	<u>6.558.731.762</u>

Tại ngày 31/12/2017: Nguyên giá TSCĐHH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.430.696.491 đồng.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2017	746.493.800	746.493.800
- Thanh lý, nhượng bán	(746.493.800)	(746.493.800)
31/12/2017	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2017	-	-
31/12/2017	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2017	<u>746.493.800</u>	<u>746.493.800</u>
31/12/2017	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	31/12/2017 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê			
Nguyên giá	38.530.325.770	-	38.530.325.770
- Nhà	38.530.325.770		38.530.325.770
Giá trị hao mòn lũy kế	9.661.384.507	1.553.655.980	11.215.040.487
- Nhà	9.661.384.507	1.553.655.980	11.215.040.487
Giá trị còn lại	28.868.941.263	(1.553.655.980)	27.315.285.283
- Nhà	28.868.941.263	(1.553.655.980)	27.315.285.283

Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định vì không có giao dịch gần đây trên thị trường đối với bất động sản tương tự và cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	13.086.366.828	13.086.366.828	9.522.706.440	9.522.706.440
- Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
- ISS Machinery Services	448.271.329	448.271.329	436.072.267	436.072.267
- Hãng đăng kiểm Germanischer Lloyd	403.758.299	403.758.299	358.424.760	358.424.760
- Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
- Các đối tượng khác	10.840.369.843	10.840.369.843	7.334.242.056	7.334.242.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	878.915.359	3.735.135.355	2.480.722.081	2.133.328.633
- Thuế giá trị gia tăng	47.758.868	1.727.689.523	1.691.345.347	84.103.044
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.595.077.853	350.700.867	1.244.376.986
- Thuế thu nhập cá nhân	164.169.889	397.918.228	424.226.116	137.862.001
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	666.986.602	14.449.751	14.449.751	666.986.602
Phải thu	1.409.105.688	912.391.561	63.273.114	559.987.241
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	41.413.071	41.413.071
- Thuế Giá trị gia tăng	496.714.127	-	-	496.714.127
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	912.391.561	912.391.561	21.860.043	21.860.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	8.098.471.328	2.662.299.369
- Chi phí cước vận tải biển	-	1.039.571.623
- Chi phí sửa chữa và bảo hiểm phương tiện	1.105.205.263	524.732.828
- Lãi vay	5.610.000.000	152.109.589
- Các khoản trích trước khác	1.383.266.065	945.885.329

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	2.505.947.850	2.410.458.622
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.002.947.850	907.458.622
Dài hạn	237.982.027	254.680.049
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	237.982.027	254.680.049

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	19.373.618.555	19.373.618.555	146.667.620.546	139.122.333.193	11.828.331.202	11.828.331.202
- Vay ký quỹ giao dịch chứng khoán (*)	19.081.958.555	19.081.958.555	146.375.960.546	136.351.233.193	9.057.231.202	9.057.231.202
- Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	771.100.000	771.100.000	771.100.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (***)	291.660.000	291.660.000	291.660.000	-	-	-
- Cá nhân	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn	100.102.010.000	100.102.010.000	100.899.500.000	797.490.000	-	-
- Trái phiếu thường phát hành theo mệnh giá (**)	99.664.500.000	99.664.500.000	100.024.500.000	360.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (***)	437.510.000	437.510.000	875.000.000	437.490.000	-	-
	119.475.628.555	119.475.628.555	247.567.120.546	139.919.823.193	11.828.331.202	11.828.331.202

(*) Khoản vay ngắn hạn với thời hạn 3 tháng, lãi suất 13,5%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng một số chứng khoán do Công ty nắm giữ với giá gốc là: 232.898.653.690 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(**) Là trái phiếu do Công ty phát hành ngày 23/06/2017, ngày đáo hạn 23/06/2019, lãi suất trái phiếu 10,8%/năm áp dụng cho năm đầu tiên, lãi suất các kỳ tiếp theo được áp dụng bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng VND, trả sau kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng (“Lãi suất tham chiếu”)) công bố tại Sở giao dịch/Chi nhánh của bốn ngân hàng thương mại tại Hà Nội bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) (gọi riêng là “Ngân hàng Tham chiếu”) và gọi chung là “các Ngân hàng Tham chiếu”) tại mỗi ngày Xác định Lãi suất cộng (+) biên độ 4%/năm. Giá trị cổ phiếu bảo đảm bao gồm: 4.526.110 cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Hàng Tham VINACHEM phát hành (DDV), 1.500.000 cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia phát hành (SLC), 600.000 cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần chứng khoán IB (VIX) và 2.400.000 cổ phần phổ thông do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành (GEX). Tổng số lượng trái phiếu phát hành là 100 trái phiếu, với mệnh giá trái phiếu là 1 tỷ đồng/trái phiếu. Tổng chi phí phát hành trái phiếu là 360 triệu đồng.

(***) Là khoản vay theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2017-HĐCVDADT/NHCT168-MARINA HAI PHONG ngày 16/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (sau đây gọi tắt là “Vietinbank”) và Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng với tổng hạn mức cho vay: 875.000.000 đồng. Thời hạn của khoản vay là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày Vietinbank giải ngân lần đầu theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư này (“Ngày Giải Ngân Đầu Tiên”). Mục đích vay được sử dụng để thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Mua 02 xe đầu kéo và 02 sơ mi rơ moóc mới để phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải của công ty. Lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn thì Công ty phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm bao gồm:

- Xe ô tô đầu kéo PROSTAR+122 6X4 INTERNATIONAL đã qua sử dụng, biên kiểm soát 15C-259.51, sản xuất năm 2012 tại Mexico, số khung SJR9DN658685, số máy 5HM2Y4182296;
- Xe ô tô đầu kéo PROSTAR+122 6X4 INTERNATIONAL đã qua sử dụng, biên kiểm soát 15C-259.72, sản xuất năm 2012 tại Mexico, số khung SJR2DN658690, số máy 5HM2Y4147720;
- Somi Rơ moóc tải ZJV9401TJZ CIMC mới, biên kiểm soát 15R-125.30, sản xuất 2017 tại Trung Quốc, số khung 2383H1029871+ B1- Somi Rơ moóc tải ZJV9401TJZ CIMC mới, biên kiểm soát 15R-126.77, sản xuất 2017 tại Trung Quốc, số khung 2381H102987.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****16.1 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2017	327.352.100.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	117.323.377.893	482.001.083.603					
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	12.492.605.718	12.492.605.718	-
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)	
- Trích quỹ khen thưởng (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	50.531.027	50.531.027	
- Tăng do hợp nhất											
31/12/2017	327.352.100.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	127.566.514.638	492.244.220.348					

(*)Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần MHC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	32.735.210	32.735.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.735.210	32.735.210
+ Cổ phiếu phổ thông	32.735.210	32.735.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.735.090	32.735.090
+ Cổ phiếu phổ thông	32.735.090	32.735.090
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu	70.403.075.509	71.926.062.890
+ Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	4.790.539.114	15.824.680.826
+ Doanh thu vận tải	42.127.733.396	23.258.078.317
+ Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	16.682.048.940	29.532.336.538
+ Doanh thu khác	6.802.754.059	3.310.967.209

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ, thuê văn phòng, kho bãi	4.723.597.961	14.436.260.179
- Giá vốn dịch vụ vận tải	39.618.190.845	22.088.665.431
- Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	14.181.933.118	24.388.650.987
- Giá vốn dịch vụ khác	5.210.584.336	1.847.378.871
	63.734.306.260	62.760.955.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.891.605.337	10.918.428.846
- Lãi bán các khoản đầu tư	8.093.936.140	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.824.103.000	10.847.355.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	51.572.191
- Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	105.858.027.578
	30.809.644.477	127.675.384.115

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	7.051.586.434	2.274.581.890
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	19.381.979.380	10.917.769.481
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	54.448.383	97.534.652
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	837.506	
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, đầu tư	(14.204.955.034)	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, đầu tư	-	31.856.924.459
- Chi phí tài chính khác	952.676.853	969.654.767
	13.236.573.522	46.116.465.249

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	7.775.171.532	8.492.270.819
Nhân viên quản lý	4.896.201.845	4.754.089.870
Hoàn nhập dự phòng	(500.000.000)	(22.157.953)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.712.929.040	2.457.162.027
Chi phí quản lý khác	1.666.040.647	1.303.176.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.492.605.718	59.636.632.107
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(2.300.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.300.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.492.605.718	57.336.632.107
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.735.090	32.322.978
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>382</u>	<u>1.774</u>

(*) Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần MHC.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	12.849.209.684	12.649.861.222
Khấu hao tài sản cố định	2.567.988.339	2.147.652.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.074.745.885	23.383.027.518
Chi phí bằng tiền khác	10.835.600.766	8.037.051.297
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	14.181.933.118	25.035.633.500
	<u>71.509.477.792</u>	<u>71.253.226.287</u>

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.278.714.670	11.499.679.326
Đầu tư ngắn hạn	531.783.018.240	402.434.599.488
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.332.223.912	22.577.739.489
Đầu tư dài hạn	10.000.000.000	23.878.272.400
Tổng cộng	601.393.956.822	460.390.290.703
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	119.475.628.555	11.828.331.202
Phải trả người bán và phải trả khác	15.592.314.678	11.933.165.062
Chi phí phải trả	8.098.471.328	2.662.299.369
Tổng cộng	143.166.414.561	26.423.795.633

Tại ngày 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	19.373.618.555	100.102.010.000	119.475.628.555
Phải trả người bán và phải trả khác	15.354.332.651	237.982.027	15.592.314.678
Chi phí phải trả	8.098.471.328	-	8.098.471.328
	<u>42.826.422.534</u>	<u>100.339.992.027</u>	<u>143.166.414.561</u>
01/01/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	11.828.331.202	-	11.828.331.202
Phải trả người bán và phải trả khác	11.678.485.013	254.680.049	11.933.165.062
Chi phí phải trả	2.662.299.369	-	2.662.299.369
	<u>26.169.115.584</u>	<u>254.680.049</u>	<u>26.423.795.633</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.278.714.670	-	13.278.714.670
Đầu tư ngắn hạn	531.783.018.240	-	531.783.018.240
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.329.723.912	2.500.000	46.332.223.912
Đầu tư dài hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
	591.391.456.822	10.002.500.000	601.393.956.822
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.499.679.326	-	11.499.679.326
Đầu tư ngắn hạn	402.434.599.488	-	402.434.599.488
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.575.239.489	2.500.000	22.577.739.489
Đầu tư dài hạn		23.878.272.400	23.878.272.400
	436.509.518.303	23.880.772.400	460.390.290.703

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***25. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Chi tiêu	Công ty Cổ phần MHC	Công ty TNHH Đầu tư Marina	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	Bù trừ/ hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2017					
1 Tổng doanh thu	24.118.111.267	-	46.721.210.246	-	70.839.321.513
Doanh thu giữa các bộ phận	436.246.004	-	-	(436.246.004)	-
2 Tổng doanh thu bán hàng ra bên ngoài	23.681.865.263	-	46.721.210.246	-	70.403.075.509
3 Giá vốn bán hàng	20.917.571.974	-	42.816.734.286	-	63.734.306.260
4 Lợi nhuận gộp	3.200.539.293	-	3.904.475.960	(436.246.004)	6.668.769.249
Khấu hao trong năm	1.933.532.334	-	634.456.005	-	2.567.988.339
Phân bổ trong năm	344.768.020	-	957.596.299	-	1.302.364.319
5 Khấu hao và phân bổ	2.278.300.354	-	1.592.052.304	-	3.870.352.658
6 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.467.027.062	-2.116.078.469	1.930.000.675	(3.870.137)	15.277.079.131
Tại ngày 31/12/2017					
Tài sản bộ phận	634.662.973.486	108.322.288.422	33.057.983.983	(134.132.952.118)	641.910.293.773
7 Tổng tài sản	634.662.973.486	108.322.288.422	33.057.983.983	(134.132.952.118)	641.910.293.773
Nợ phải trả bộ phận	144.782.756.057	63.491.000	13.602.778.485	(8.782.952.118)	149.666.073.425
8 Tổng nợ phải trả	144.782.756.057	63.491.000	13.602.778.485	(8.782.952.118)	149.666.073.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngoại tệ các loại		
+ USD	105,53	105,53
Nợ khó đòi đã được xử lý (VND)	5.781.662.641	5.781.662.641

26.2 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	676.900.001	635.466.667
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	545.666.667	503.466.667
- Thù lao Ban Kiểm soát	131.233.334	132.000.000
Tiền lương, thưởng	938.444.839	1.114.800.000
- Ban Giám đốc	938.444.839	1.114.800.000

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả khác	1.503.000.000	1.503.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số số liệu đầu năm đã được trình bày lại nhằm mục đích so sánh với số liệu năm nay. Cụ thể:

Điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ 17.439.810 đồng, giảm thuế và các khoản phải thu nhà nước 2.308.413.663 đồng, giảm người mua trả tiền trước ngắn hạn 135.267.000 đồng, tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 666.986.602 đồng, giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2.857.573.075 đồng theo Quyết định 28845/QĐ-CCCT-KT2 ngày 29/12/2017 của Chi Cục thuế Quận Hai Bà Trưng về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế. Theo đó, các số liệu liên quan đến quyết định này được Công ty trình bày hồi tố vào số liệu đầu kỳ ngày 01/01/2017.

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Số trình bày lại tại 01/01/2017	Số trên BCTC tại 31/12/2016	Đơn vị tính: VND
				Tăng(+)/Giảm(-)
TÀI SẢN				(2.325.853.473)
Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.573.923.019	1.591.362.829	(17.439.810)
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	1.409.105.688	3.717.519.351	(2.308.413.663)
NGUỒN VỐN				(2.325.853.473)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	47.745.792	183.012.792	(135.267.000)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	878.915.359	211.928.757	666.986.602
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	117.323.377.893	120.180.950.968	(2.857.573.075)

Tại ngày 01/01/2017, Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trình bày lại tại 01/01/2017	Số trên BCTC 31/12/2016	Số trình bày lại Tăng (+)/Giảm(-)
TÀI SẢN				-
Phải thu dài hạn khác	216	10.002.500.000	10.000.000.000	2.500.000
Tài sản dài hạn khác	268	-	2.500.000	(2.500.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	23.878.272.400	(23.878.272.400)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	23.878.272.400	-	23.878.272.400

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Trưởng phòng kế toán

Người lập biểu



Nguyễn Công Tuấn

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Lan Hương